

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2021

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 0100100752
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 72.539.110.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 72.539.110.000 VND
- Địa chỉ/ *Address*: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/ *Telephone*: 024- 3861 5365
- Số fax/ *Fax*: 024- 3861 2549
- *Website*: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu/ *Securities code*: PHN

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc Thị xã Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2013.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Thị xã Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 13 ngày 17/07/2020 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:*

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

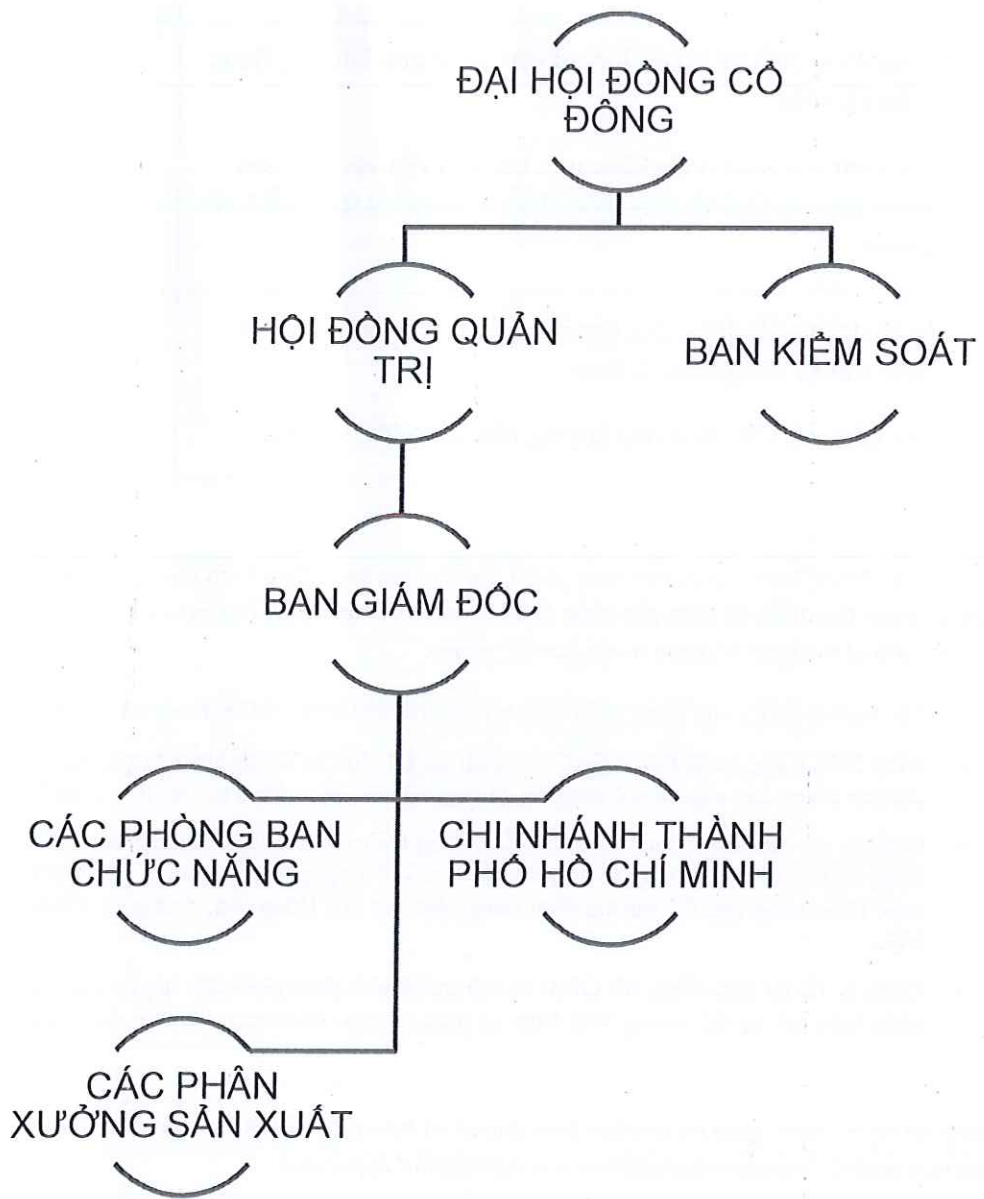
- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...
- + Công ty tái ký hợp đồng với GPBI để trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019 sau một thời gian gián đoạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

- + Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

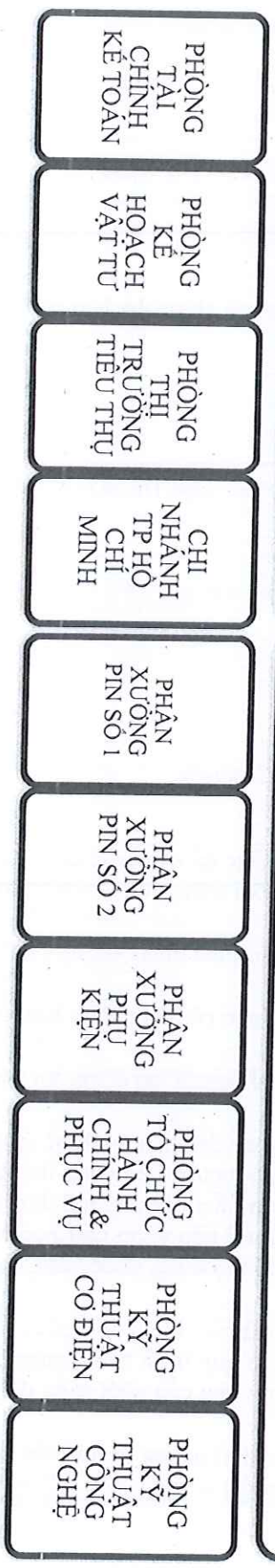


+ Cơ cấu bộ máy quản lý.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

PHÓ GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT - SẢN XUẤT



012 NG PH HÀ

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Thị xã Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch.
- nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

- Nâng cao năng lực sản xuất, đồng bộ hóa tiêu chuẩn kẽm đồng xu nhằm đáp ứng được yêu cầu cung ứng kẽm đồng xu cho Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) qua đó hạn chế tối đa nguồn đồng xu nhập khẩu, góp phần đảm bảo tỉ trọng nội địa hóa cho các sản phẩm xuất khẩu của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) đồng thời nâng cao hiệu quả cho phần vốn góp của Công ty vào Công ty liên doanh cũng như tối ưu hóa chi phí sản xuất khâu nấu cán kẽm.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phần đầu tăng bình quân 7%.

Biện pháp cụ thể:

Đối với thị trường truyền thống: Bằng các biện pháp cụ thể và với sự hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng thị phần từ GP.

* Giữ vững và tăng thị trường hiện có ở trong nước, Lào và CPC, tăng R6 và R03 bù đắp cho R20 giảm để thị trường này tăng 5%, đến năm 2027 đạt 290 triệu viên.

* Pin thương hiệu Kodak, xuất khẩu tại chỗ và khách hàng tiêu dùng công nghiệp: Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2020 và 2021 phần đầu mỗi năm tăng 10% góp phần tăng tổng sản lượng 1%.

* Thị trường xuất khẩu thông qua GP: Phần đầu bình quân tăng >8%, bằng các biện pháp:

* Duy trì, giữ vững và tăng sản lượng thị trường Rayovac và các thị trường hiện có.

* Bằng mọi biện pháp đáp ứng yêu cầu nhập khẩu pin cho thị trường rất lớn của Ấn Độ thông qua kiểm toán trong năm nay và các thị trường khác.

* Xuất khẩu pin thương hiệu “Con Thỏ” theo phân khúc tiêu dùng với mức chất lượng hiện tại theo định hướng của GP vào thị trường Đông Nam Á và Châu Phi.

* Tăng thị với đối tượng tiêu dung pin thân thiện môi trường khi chính thức có sản phẩm thân thiện môi trường.

* Tập trung nguồn lực cùng với việc hỗ trợ của GP cho việc nghiên cứu thị trường trong nước đối với các sản phẩm cao cấp, kết hợp với thị trường của đã có của GP để định hướng đầu tư đầu tư sản phẩm mới theo xu thế tiêu dùng pin thông qua nhập khẩu GP tiêu thụ trong nước để đánh giá thị trường.

Về hiệu quả: Phần đầu lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ > 45%/ VDL hiện tại; Trên cơ sở đó đảm bảo:

* Cổ tức 25%.

* Đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển lợi nhuận sau thuế nhằm tích lũy cho đầu tư phát triển trong tương lai

* Giữ được tỷ lệ lợi nhuận chưa phân phối nhằm bình ổn cổ tức cho những năm lợi nhuận không đảm bảo.

* Trích cho quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Về địa điểm sản xuất:

Duy trì địa điểm sản xuất hiện tại đến khi có được đối tác hợp tác chuyển đổi có hiệu quả hoặc khi bắt buộc phải di dời theo quy hoạch.

Về quản trị doanh nghiệp:

Tiếp cận và áp dụng quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế với sự hỗ trợ từ GP nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phù hợp với giá bán sản phẩm và điều kiện cụ thể của công ty.

Về vốn:

Đảm bảo an toàn về vốn.

Căn cứ mục tiêu sản lượng, căn cứ nhu cầu đầu tư thực tế xem xét tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu của công ty hoặc biện pháp khác.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chấp hành đúng pháp luật hiện hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Năm 2020 Công ty đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và đã được Quacert đánh giá, cấp chứng nhận số MT 427.21.24 cho HTQLMT của Công ty. Trong năm Công ty cũng đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn châu âu BSCI, đã được tổ chức chứng nhận Intertek của Anh đánh giá chứng nhận đạt yêu cầu.

Về dài hạn Công ty sẽ hướng tới chi sản xuất sản phẩm xanh đạt tiêu chuẩn “ Nhân xanh Việt Nam” và tiêu chuẩn sản phẩm xanh theo tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế. Ngoài ra Công ty sẽ nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa thêm sản phẩm, đưa ra thị trường các loại sản phẩm có mức chất lượng cao hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5. Các rủi ro/ Risks:

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.
- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.
- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kẽm thỏi (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại màu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan...

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.129.476.056	-	-	21.129.476.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.220.890.449	20.000.000	-	26.240.890.449
	47.350.366.505	20.000.000	-	47.370.366.505
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.792.455.825	-	-	16.792.455.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.352.960.487	20.000.000	-	29.372.960.487
	46.145.416.312	20.000.000	-	46.165.416.312

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	21.870.776.420	-	-	21.870.776.420
Phải trả người bán, phải trả khác	27.184.208.621	-	-	27.184.208.621
Chi phí phải trả	2.806.903.732	-	-	2.806.903.732
	51.861.888.773	-	-	51.861.888.773
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.043.527.058	-	-	6.043.527.058
Chi phí phải trả	2.286.861.369	-	-	2.286.861.369
	8.330.388.427	-	-	8.330.388.427

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2021 (HĐQT điều chỉnh ngày 29/10)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2021/ 2020	Chênh lệch (%)	
			Năm 2020	Năm 2021		So với KH	So với 2020
1/ Sản xuất	1000 v	356.000	365.063	351.820	-13.243	98,8%	96,4%
2/ Tiêu thụ	1000 v	356.000	365.437	352.383	-13.054	98,9%	96,4%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	1000 v		242.890	258.609	15.719		
TS tiêu thụ XK GP	1000 v		122.536	93.774	-28.762		
3/ Doanh thu	Tỷ VND	374.000	357.404	376.789	19.385	100,7%	105,4%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	38.600	49.331	38.110	-11.221	98,7%	77,3%

Đánh giá:

Trong năm, do diễn biến phức tạp của dịch Covid nên HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

Do vậy các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động SXKD của Công ty về cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đã được điều chỉnh.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2021 mặc dù sụt giảm về chi tiêu lợi nhuận so với năm 2020 nhưng có thể coi là đã thành công, Công ty đã đạt được mục tiêu kép mà Chính phủ đề ra đó là vừa tuân thủ các giải pháp phòng chống dịch, đảm bảo an toàn trong sản xuất vừa thúc đẩy phát triển kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 Cổ Phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc
Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh
Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần
- Ông Nguyễn Cao Sơn Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần
- Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management: Trong năm không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./ *Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 286,8 người.
- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 21 người
- Lao động tuyển dụng mới: 19 người
- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 40.480 trđ; Thu nhập bình quân 11,8 trđ/người/tháng tương đương mức thu nhập bình quân năm 2020.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:*

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3, Khu C, Khu công nghiệp Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 275 tỷ và 640 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 9,8% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế GP nắm giữ 90,2% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-22 (Kết thúc ngày 31/3/2022) ước tính:

+ Doanh thu: 379 tỷ đồng.

- + Tổng nguyên giá TSCĐ: 237 tỷ đồng. Khấu hao lũy kế: 58,6 tỷ đồng
- + Lợi nhuận tạo ra: 5 tỷ đồng
- + Lỗ lũy kế: 85 tỷ đồng

Nhận định:

1.1 Thuận lợi trong năm 2021: Được sự hỗ trợ của tập đoàn GP, nhiều khách hàng lớn đã hoàn thành kiểm định chất lượng và chính thức đặt hàng với quy mô lớn với Công ty. Sản lượng xuất khẩu của pin 1.5v đã ổn định và dần đạt đến công suất sản xuất tối ưu.

1.2 Khó khăn trong năm 2021: Nhu cầu pin 9V giảm. Giá nguyên liệu đầu vào tăng do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu trong khi các hợp đồng xuất khẩu thường được ký trong thời gian dài với giá ổn định, điều này đã ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của Công ty.

2. Kế hoạch cho năm 2022:

- + Sản lượng: 266 triệu viên pin, giảm 12% so với năm 2021.
- + Doanh thu: 307 tỷ đồng giảm 19% so với năm 2021.
- + Lợi nhuận: 3 tỷ đồng.
- + Lỗ lũy kế 82 tỷ đồng
- + Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 319 người trong nước và 8 người nước ngoài.

Nhận định:

2.1 Thuận lợi trong năm 2022: Năm 2022, với các chứng chỉ quan trọng đạt được đáp ứng yêu cầu từ các thị trường khó tính như BIS cho Ấn Độ, BSCI cho Châu Âu, VNGP đã nhận được nhiều đơn đặt hàng từ nhiều nước trên thế giới với quy mô sản xuất ngày càng tăng. Cùng với việc từng bước nâng cao năng lực sản xuất, VNGP đang phát triển và triển khai tự động hóa trong các quy trình sản xuất, giúp nâng cao sản lượng sản xuất.

2.2 Khó khăn trong năm 2022: chịu tác động của bất ổn thị trường toàn cầu do chiến tranh, nhu cầu giảm do lạm phát, giá nguyên vật liệu tăng sẽ khiến VNGP gặp nhiều thách thức.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

Chi tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/Note
1. Chi tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	4,83	2,25	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset – Inventories Short term Debt	2,61	0,81	lần
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	14,84	35,03	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	17,42	53,93	%
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	5,7	4,5	lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,57	2.14	lần
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	11,34	8,35	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	34,21	27,53	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	29,13	17,88	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	14,17	10,31	%
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares:*

Tổng số cổ phần: 7.253.911 cổ phần

Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 7.253.911 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:*

Cổ đông pháp nhân: 5 tổ chức nắm giữ 3.704.252 cp tương ứng 51,07% tổng số cp

Tên tổ chức	Số CP nắm giữ
GP BATTERIES INTERNATIONAL LIMITED	3.554.233
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	144.533
Công đoàn Công ty CP Pin Hà Nội	5.264
KRUNGTHAI ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	100
CTCP Chứng khoán FPT	122
Cộng	3.704.252

Cổ đông thể nhân: 315 người sở hữu 3.549.659 CP tương ứng 48,93%

Trong đó 02 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: 364.350 CP tương ứng 5,023%

Ông Lê Xuân Lương sở hữu: 403.000 CP tương ứng 5,556%

Cổ đông trong nước: 316 cổ đông sở hữu 3.699.498 CP tương ứng 51%

Cổ đông nước ngoài: 4 cổ đông sở hữu 3.554.413 CP tương ứng 49%

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 24 tháng 12 năm 2021 do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam công bố ngày 28 tháng 12 năm 2021.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2020: 217,9 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2020: 22,4 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2021: 13 tấn kg từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2021: 18 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2021: 2.330.500 Kw tương đương với mức tiêu thụ điện năm 2020 trong đó sản lượng đồng xu thương phẩm năm 2021 tăng 52,5 tấn tương ứng tăng 18% so với năm 2020.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Từ 2021 Công ty sẽ ngừng khai thác và chuyển sang sử dụng nước sạch do Viwaco cung cấp

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 70 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2021: 20.500 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 20 m³/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 25% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 286,8 người.
- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và cơm CN): 40,480 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 11,8 triệu đồng/ ng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2021: 266 triệu đồng
- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2021: 245 triệu đồng
- Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ đúng hạn cho toàn thể CBCNV qua đó bố trí sắp xếp việc làm phù hợp với điều kiện sức khỏe của từng NLD.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

TT	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Huấn luyện Phòng cháy chữa cháy, Thực tập thoát hiểm	36	8	288
2	Huấn luyện AT-VSLĐ cho người sử dụng lao động (nhóm 1)	22	8	176
3	Huấn luyện AT- VSLĐ cho công nhân vận hành thiết bị nghiêm ngặt (nhóm 3)	69	8	552
4	Huấn luyện AT- VSLĐ cho người lao động (nhóm 4)	65	8	520
5	Huấn luyện An toàn vệ sinh viên, Sơ cấp cứu (nhóm 6)	25	8	200
6	Huấn luyện An toàn hóa chất	23	8	184
7	Đào tạo về Trách nhiệm xã hội đối với nhà cung cấp	6	8	48
8	Hướng dẫn dán Humcode	10	8	80
9	Đào tạo lại quy trình công nghệ, MMTB khu nấu kềm	2	8	16
10	Đào tạo chương trình UL2799 Zero Waste to landfill	10	8	80
11	Đào tạo nâng bậc lương	22	8	176
12	Đào tạo tuyển dụng	20	8	160
	Tổng	310		2.480

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra,

bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015; ISO14001:2015; Hệ thống Trách nhiệm xã hội BSCI, SA-8000, Hệ thống đánh giá nội bộ. Đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở
- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2021: 66.500.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

I/ Sản xuất và tiêu thụ	Đơn vị	KH 2021 (HQQT điều chỉnh ngày 29/10)	Thực tế		Tăng, giảm số lượng 2021/ 2020	Chênh lệch (%)	
			Năm 2020	Năm 2021		So với KH	So với 2020
1/ Sản xuất	1000 v	356.000	365.063	351.820	-13.243	98,8%	96,4%
2/ Tiêu thụ	1000 v	356.000	365.437	352.383	-13.054	98,9%	96,4%
Tổng hợp tiêu thụ							
<i>TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak</i>	1000 v		242.890	258.609	15.719		106,5%
<i>TS tiêu thụ XK GP</i>	1000 v		122.536	93.774	-28.762		76,5%
3/ Doanh thu	Tỷ VND	374.000	357.404	376.789	19.385	100,7%	105,4%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	38.600	49.331	38.110	-11.221	98,7%	77,3%

Đánh giá:

1.1 Kết quả tiêu thụ: năm 2021 có những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan như sau:

- Nguyên nhân Khách quan:

+ Pin R20 tiếp tục đà suy giảm do xu thế tiêu dùng đối với loại sản phẩm này giảm.

+ Dịch Covid diễn biến phức tạp dẫn đến phải áp dụng các biện pháp cách ly xã hội, hạn chế hoặc tạm ngừng các hoạt động lễ hội, giải trí... cục bộ hoặc trên diện rộng gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng nói chung và sản phẩm pin nói riêng. Ngoài sự suy giảm nhu cầu do việc hạn chế tập trung đông người, hạn chế hoạt động giải trí thì yêu cầu kiểm soát dịch bệnh trên diện rộng đã tạo ra những nhu cầu tiêu thụ pin phục vụ cho các thiết bị điện tử trong công tác chống dịch.

+ Việc tăng cường kiểm soát giao thương tiểu ngạch để chống dịch góp phần quan trọng vào việc hạn chế hàng lậu, hàng giả, hàng nhái thâm nhập vào thị trường trong nước đã phần nào tác động tích cực đến kết quả tiêu thụ nội địa đặc biệt là đối với sản phẩm R03.

- Nguyên nhân Chủ quan:

+ Ban Giám đốc dưới sự chỉ đạo của HĐQT đã có những giải pháp sử dụng nguồn lực chi phí bán hàng một cách linh hoạt, chủ động nhằm từng bước khắc phục được những bất cập trong áp dụng chính sách bán hàng. Tổng chi phí bán hàng trong năm không vượt quá hạn mức HĐQT giao và thấp hơn chi phí bán hàng đã được kế hoạch hóa trong PA SXKD 2021 được đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Công tác thị trường và hỗ trợ bán hàng được triển khai tích cực phù hợp với diễn biến từ giai đoạn, từng thời điểm, từng địa bàn trong bối cảnh thực hiện chủ trương vừa phòng dịch vừa phát triển kinh tế của Chính phủ.

+ Việc thu thập thông tin thị trường đặc biệt là thị trường Lào – Campuchia đôi khi còn bị động, xử lý thông tin còn chưa chính xác, kịp thời cũng tác động tiêu cực đến kết quả tiêu thụ chung, đặc biệt là chưa xác lập được biện pháp cũng như phương án đảm bảo an toàn đối với tiền và hàng tại thị trường trung, nam Lào. Thực tế đã xảy ra những bất cập rủi ro trong công tác tiêu thụ tại thị trường Lào – Campuchia và chưa có được các biện pháp căn cơ bền vững nhằm ổn định các thị trường này.

Về kết quả tiêu thụ: Trong năm tổng sản lượng tiêu thụ đạt 352,4 triệu viên pin các loại bằng 98,9% so với kế hoạch và 96,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Pin nhãn hiệu Con Thỏ và xuất khẩu gián tiếp (Kodak): đạt 258,6 triệu viên tăng 15,7 triệu viên tương ứng tăng 6,5% so với cùng kỳ.

o Pin R20 tiếp tục đà suy giảm do nhu cầu thị trường và sản phẩm thay thế. Tốc độ suy giảm khoảng 10% năm tại thị trường nội địa.

- Pin R6 tại thị trường nội địa sụt giảm do tác động của dịch covid dẫn đến giảm nhu cầu tiêu dùng cho các hoạt động giải trí, lễ hội vv. Tuy nhiên tại các địa bàn cạnh tranh, sản phẩm Con Thỏ vẫn duy trì được lợi thế cạnh tranh về giá bán và chính sách chiết khấu nên vẫn giữ được thị phần và từng bước mở rộng ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
- Pin R03 tăng trưởng 10% so với 2020 do các yếu tố sau:
 - + R03 là dòng sản phẩm mới hơn so các sản phẩm R20 và R6 và đang ở chu kỳ tăng trưởng mạnh.

+ Công ty đang có được công nghệ và thiết bị sản xuất tiên tiến nhất so với các nhà sản xuất trong nước tiêu thụ tại thị trường nội địa nên có được giá thành, giá bán cạnh tranh nên đang từng bước mở rộng được thị phần Pin R03.

+ Nhu cầu phát sinh đột biến đáp ứng cho các thiết bị phục vụ phòng chống dịch trên diện rộng góp phần thúc đẩy đà tăng trưởng của sản phẩm

- Pin Xuất khẩu qua đối tác GP: đạt 93,8 triệu viên giảm 28,8 triệu viên tương ứng giảm 23,5% so với cùng kỳ.

Pin R6 chưa phục hồi được thị trường Ấn Độ do ảnh hưởng của dịch Covid không thể hoàn tất tiến trình kiểm toán chất lượng và cấp chứng chỉ BIS.

Pin R03 phía khách hàng điều tiết nguồn cung cho thị trường Guatemala chỉ duy trì thị trường Brazil dẫn đến sụt giảm sản lượng.

- Đối với xuất khẩu tại chỗ:

Sản lượng có tăng trưởng và tìm kiếm thêm được khách hàng mới do:

- Công ty đã chủ động đáp ứng được các chứng chỉ theo yêu cầu của các thị trường xuất khẩu như Nhật Bản, Hàn Quốc..
- Công ty duy trì được mức giá cạnh tranh so với các nhà sản xuất trong nước và pin nhập khẩu chính ngạch.
- Công ty có lợi thế cạnh tranh trong việc đáp ứng tiến độ đơn hàng và chi phí giao nhận

- Kết quả tiêu thụ pin GP nhập khẩu tại thị trường nội địa: sản lượng đạt 417 ngàn vi pin các loại tương ứng doanh thu 3,7 tỷ đồng tăng 2,75 tỷ tương ứng tăng 286% so với năm 2020. Công ty đã hợp tác chặt chẽ với đối tác trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự bán hàng, từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở mới các nhà phân phối. Đối tác GP cung cấp nguồn lực tài chính đảm bảo xây dựng được bước giá và chính sách chiết khấu phù hợp với diễn biến thị trường đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như quảng bá được thương hiệu hình ảnh sản phẩm đến thị trường.

Kết quả cung ứng kẽm đồng xu cho VNGP: đạt 342 tấn đồng xu các loại tăng 52,4 tấn tương ứng tăng 18,1% so với năm 2020.

1.2 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu đạt: 376,8 tỷ đồng, giảm 4,4 tỷ đồng so với NQ ĐHĐCĐ, tăng 19,4 tỷ đồng so với năm 2020 chủ yếu là do tăng giá bán pin từ 1/5/2021. Trong đó:

+ Doanh thu tiêu thụ pin các loại đạt: 341 tỷ đồng, trong đó doanh thu xuất khẩu pin qua GP đạt 56 tỷ đồng tương đương 2,4 triệu usd.

+ Doanh thu khác đạt: 35 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán kẽm đồng xu cho VNGP đạt 26 tỷ đồng.

1.3 Về chỉ tiêu Hiệu quả:

Mục tiêu năm 2021 đề ra là 34,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế,

Với tình hình giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào tăng dẫn đến chi phí sản xuất tăng so với năm 2020. Để đạt được mục tiêu hiệu quả công ty đã phải điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm từ ngày 1/5/2021, từ đó có căn cứ để điều chỉnh kế hoạch năm về sản lượng và hiệu quả, kế hoạch điều chỉnh lợi nhuận năm 2021 là 38,6 tỷ đồng.

Kết quả lợi nhuận cả năm đạt 38,1 tỷ đồng, giảm 11,3 tỷ đồng so với năm 2020, tăng 3,6 tỷ đồng so với NQ ĐHĐCĐ và giảm 0,5 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh, lý do giảm là công ty vẫn chưa nhận được khoản tiền của Nhà nước hỗ trợ giảm 30% tiền thuê đất do ảnh hưởng của dịch Covid 19, với khoản hỗ trợ này các cơ quan Nhà nước đang xem xét giải quyết hồ sơ của công ty cũng như của nhiều DN khác.

Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ đạt 52,7%.

Nguyên nhân chủ yếu lợi nhuận tăng so với NQ ĐHĐCĐ là do công ty điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm từ 1/5/2021.

1.4 Về đầu tư:

Danh mục đầu tư hoàn thành năm 2021

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
1	TSCD971	Máy nén khí trục vít Airman	01/05/2021	101.703.000
2	TSCD972	Máy ép vỉ bán tự động (tự chế tạo)	01/06/2021	81.340.590
3	TSCD973	Máy camera soi keo	01/07/2021	175.000.000
4	TSCD975	Hệ thống cấp nước sạch	01/09/2021	268.561.781
5	TSCD976	Lò nấu kẽm năm 2021	01/10/2021	45.645.382
6	TSCD977	Máy đập đồng xu 125T	28/12/2021	1.799.410.575
7	TSCD978	Máy xếp Pin R03 vào màng vì 20 (TCT)	28/12/2021	51.839.600
		Tổng cộng:		2.523.500.928

Các hạng mục mới đầu tư đã đưa vào vận hành, khai thác phát huy hiệu quả ngay trong quá trình sử dụng.

Đối với dự án Pin không chì: trong tháng 4/2022 sẽ có kết quả đánh giá chất lượng pin không chì của các loại pin không chì theo công nghệ mới từ Công ty và từ VNGP.

Dự kiến từ tháng 6/2022 sẽ không bổ sung chì vào kẽm, vẫn sử dụng vữa, để xê cuộn còn tồn trong khoảng 3 tháng. Sau thời gian đó pin đạt được tiêu chuẩn “Nhãn xanh Việt Nam” với %Pb <100 ppm/ trọng lượng pin, nhưng có thể chưa đạt tiêu chuẩn pin sạch quốc tế % Pb <40 ppm/ trọng lượng pin.

Chưa hoàn thành thủ tục đối với khu đất tại số 72 đường Phan Trọng Tuệ về thời hạn thuê và chưa tìm được đối tác cũng như cơ sở để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ đó chưa có được phương án di dời địa điểm sản xuất.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	161.396.087	110.712.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.968.079.969	8.681.743.234
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	8.000.000.000
	<u>21.129.476.056</u>	<u>16.792.455.825</u>

. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	2.488.330.267	-	-	-
Keo Sivanhthong	3.970.036.780	-	1.717.291.240	-
GPI International Limited	3.754.392.189	-	11.623.454.530	-
Phải thu khách hàng khác	13.412.000.786	(344.969.538)	14.845.080.495	(344.969.538)
	<u>23.624.760.022</u>	<u>(344.969.538)</u>	<u>28.185.826.265</u>	<u>(344.969.538)</u>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>6.242.722.456</u>	<u>-</u>	<u>11.625.150.037</u>	<u>-</u>

. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	25.079.452	-	52.273.973	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	227.266.350	-	162.140.043	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	31.729.106	-	28.088.477	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	16.392.919	-	14.271.069	-
Tạm ứng	331.968.696	-	225.883.811	-
Ký cược, ký quỹ	2.036.815.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	271.848.442	-	29.446.387	-
	2.941.099.965	-	1.512.103.760	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	20.000.000	-	20.000.000	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	271.748.442	-	7.464.688	-

. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	31.160.789	-	31.160.789	-
- Các khoản khác	275.188.510	12.920.141	275.188.510	12.920.141
	357.889.679	12.920.141	357.889.679	12.920.141

. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.553.367.307	(240.047.728)	34.903.514.332	(243.193.200)
Công cụ, dụng cụ	61.030.663	-	92.353.173	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.655.978.015	-	2.483.243.710	-
Thành phẩm	6.212.100.752	-	5.414.432.725	-
Hàng hoá	4.767.052.864	-	1.625.130.253	-
Hàng gửi đi bán	1.655.812	-	193.817.716	-
	86.251.185.413	(240.047.728)	44.712.491.909	(243.193.200)

. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.045.132.335	-
- Máy cắt via ống kèm R6	1.045.132.335	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	158.685.464	-
- Sửa chữa lò điện nấu kèm	158.685.464	-
	1.203.817.799	-

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	57.776.038.310	6.634.358.231	438.570.252	76.936.097.960
- Mua trong năm	-	2.390.320.738	-	-	2.390.320.738
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	133.180.190	-	-	133.180.190
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.869.946)	-	-	(1.091.869.946)
Số dư cuối năm	12.087.131.167	59.207.669.292	6.634.358.231	438.570.252	78.367.728.942
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	40.959.251.648	4.800.464.616	256.223.621	58.103.071.052
- Khấu hao trong năm	-	5.497.052.103	423.630.108	43.724.004	5.964.406.215
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.869.946)	-	-	(1.091.869.946)
Số dư cuối năm	12.087.131.167	45.364.433.805	5.224.094.724	299.947.625	62.975.607.321
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	16.816.786.662	1.833.893.615	182.346.631	18.833.026.908
Tại ngày cuối năm	-	13.843.235.487	1.410.263.507	138.622.627	15.392.121.621

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 là 40.000.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Văn Nguyên Bằng Tầng Trung Quốc	358.231.940	358.231.940	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nguyên Hưng Phát	321.750.000	321.750.000	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại Thành phố Hồ Chí Minh	618.750.000	618.750.000	921.492.000	921.492.000
Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	815.467.400	815.467.400	708.861.245	708.861.245
Phải trả các đối tượng khác	967.971.707	967.971.707	4.070.646.388	4.070.646.388
	3.082.171.047	3.082.171.047	5.700.999.633	5.700.999.633
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	1.222.745.992	1.222.745.992
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				
14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu			306.597.735	-
Người mua khác trả tiền trước			165.310.864	692.656.517
			471.908.599	692.656.517

. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	2.239.120.581	1.760.085.458
- Chi phí phải trả khác	567.783.151	526.775.911
	<u>2.806.903.732</u>	<u>2.286.861.369</u>

. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	148.745.388	96.781.170
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.423.533.613	35.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.371.088.200	49.741.500
- Quỹ xã hội	29.264.751	91.764.751
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	99.000.000	69.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.405.622	240.004
	<u>24.102.037.574</u>	<u>342.527.425</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>11.414.608.103</u>	<u>-</u>

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.130.196.578	9.577.673.909	10.698.882.349	-	8.988.138
Thuế Nhập khẩu	398.368.901	-	235.931.540	235.931.540	398.368.901	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.852.890.412	7.690.633.695	9.232.890.412	-	1.310.633.695
Thuế Thu nhập cá nhân	-	345.128.920	875.364.338	1.165.925.929	-	54.567.329
Thuế Tài nguyên	-	1.743.200	5.789.000	7.532.200	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.199.509.044	3.199.509.044	-	-
Các loại thuế khác	8.010.900	-	12.010.900	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.892.635	13.400.201	18.365.653	-	22.927.185
	406.379.801	4.357.851.745	21.610.312.627	24.563.037.127	398.368.901	1.397.116.345

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng:

Hệ thống quản lý chất lượng vẫn được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ đã phát hiện chỉ ra những điểm không phù hợp, những lỗi của người lao động để từ đó xử lý vi phạm và đề ra ngay biện pháp khắc phục phòng ngừa và cải tiến nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.

Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, quản lý sản xuất và định mức vật tư nên trong năm không để xảy ra sự cố chất lượng sản phẩm ở mức độ nghiêm trọng, tỷ lệ phế phẩm đạt mục tiêu và sử dụng định mức vật tư đúng quy định tại tất cả các đơn vị sản xuất.

Từ năm 2020, Công ty đã sản xuất nhiều lô pin R6 xuất khẩu theo tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 (đường kính pin $\geq 13,7$ mm) và đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.

- + Về vấn đề môi trường:
Công ty áp dụng hệ thống quản lý môi trường và đã được cấp chứng chỉ ISO 14001:2015. Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việc duy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật.
- + Về chính sách đối với người lao động (BSCI):
Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI.

Ngày 26/02/2021: Tổ chức Intertek đã hoàn thành đánh giá việc tuân thủ BSCI tại công ty, đã có báo cáo đánh giá vào hệ thống BSCI toàn cầu, mã số báo cáo 704-000016-001, kết quả đánh giá đạt mức C, có giá trị hiệu lực đến 26/2/2022.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phần đầu tăng bình quân 7%.

Biện pháp cụ thể:

Đối với thị trường truyền thống: Bằng các biện pháp cụ thể và với sự hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng thị phần từ GP.

- Giữ vững và tăng thị trường hiện có ở trong nước, Lào và CPC, tăng R6 và R03 bù đắp cho R20 giảm để thị trường này tăng 5%, đến năm 2027 đạt 290 triệu viên.

Pin thương hiệu Kodak, xuất khẩu tại chỗ và khách hàng tiêu dùng công nghiệp: Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2020 và 2021 phần đầu mỗi năm tăng 10% góp phần tăng tổng sản lượng 1%.

Thị trường xuất khẩu thông qua GP: Phần đầu bình quân tăng >8%, bằng các biện pháp:

- Duy trì, giữ vững và tăng sản lượng thị trường Rayovac và các thị trường hiện có.
- Bằng mọi biện pháp đáp ứng yêu cầu nhập khẩu pin cho thị trường rất lớn của Ấn Độ thông qua kiểm toán trong năm nay và các thị trường khác.
- Xuất khẩu pin thương hiệu “Con Thò” theo phân khúc tiêu dùng với mức chất lượng hiện tại theo định hướng của GP vào thị trường Đông Nam Á và Châu Phi.
- Tăng thị với đối tượng tiêu dùng pin thân thiện môi trường khi chính thức có sản phẩm thân thiện môi trường.
- Tập trung nguồn lực cùng với việc hỗ trợ của GP cho việc nghiên cứu thị trường trong nước đối với các sản phẩm cao cấp, kết hợp với thị trường của đã có của GP để định hướng đầu tư sản phẩm mới theo xu thế tiêu dùng pin thông qua nhập khẩu GP tiêu thụ trong nước để đánh giá thị trường.

Về hiệu quả: Phần đầu lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ > 45%/ VDL hiện tại; Trên cơ sở đó đảm bảo:

- Cổ tức 25%.
- Đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển lợi nhuận sau thuế nhằm tích lũy cho đầu tư phát triển trong tương lai
- Giữ được tỷ lệ lợi nhuận chưa phân phối nhằm bình ổn cổ tức cho những năm lợi nhuận không đảm bảo.
- Trích cho quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Một số chỉ tiêu cơ bản cho kế hoạch 2022 được HĐQT thông qua:

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ phần đầu 393,3 triệu viên pin các loại

Doanh thu: 490,8 tỷ đồng (trong đó Doanh thu thuần từ tiêu thụ Pin các loại: 442 tỷ đồng).

Lợi nhuận: >34,5 tỷ;

Cổ tức: phần đầu 25%.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.
- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2021 ước tính: 45.000 m³

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Thu nhập bình quân năm 2021 của Người lao động đạt xấp xỉ 12 trđ/ng/tháng tương đương mức thu nhập bình quân năm 2020.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian hơn 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng. Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quà tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

- Sản lượng tiêu thụ đạt 352,3 triệu viên pin các loại trong đó:

Sản phẩm Product	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)		Tỷ lệ TH 2021/TH 2020 (%)	
	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export	Nội địa Domestic	Xuất khẩu Export
R03	99,3	100	122,7	76,3
R6	98,2	100	102,8	156,2
R20	100,6		90,1	
Tổng/Total	98,9%		96,4%	

HDQT ghi nhận kết quả tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2021 là khá tích cực trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19 đem lại nhiều tác động cả thuận lợi lẫn khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên HDQT tại các phiên họp thường kỳ đã chỉ ra những bất cập trong điều hành mà Ban Giám đốc cần nghiêm túc chấn chỉnh nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của Công ty đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn đang có nguy cơ phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

1.2 Về đầu tư:

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
1	TSCD971	Máy nén khí trục vít Airman	01/05/2021	101.703.000
2	TSCD972	Máy ép vi bán tự động (tự chế tạo)	01/06/2021	81.340.590
3	TSCD973	Máy camera soi keo	01/07/2021	175.000.000
4	TSCD975	Hệ thống cấp nước sạch	01/09/2021	268.561.781
5	TSCD976	Lò nấu kẽm năm 2021	01/10/2021	45.645.382
6	TSCD977	Máy đập đồng xu 125T	28/12/2021	1.799.410.575
7	TSCD978	Máy xếp Pin R03 vào màng vi 20 (TCT)	28/12/2021	51.839.600
		Tổng cộng:		2.523.500.928

HDQT đánh giá các khoản đầu tư nêu trên là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của Công ty. Các khoản đầu tư cũng đã phát huy được hiệu quả góp phần bình ổn sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Công ty.

Việc đầu tư vào dự án như pin không chì ghi nhận theo báo cáo của Giám đốc về kết quả đầu tư 2021.

1.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 3 năm 2019. Sau gần 3 năm niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty đã tăng hơn 3 lần so với giá chào sàn ngày 13 tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên do số lượng cổ phiếu đã niêm yết của công ty không nhiều (7,2 triệu) trong đó 49% được nắm giữ bởi cổ đông chiến lược là tập đoàn GP, mặt khác một tỷ trọng không nhỏ số cổ phiếu được nắm giữ bởi CBCNV của Công ty và chưa đăng ký giao dịch nên lượng cổ phiếu giao dịch thực tế còn khá thấp.

Trong năm Công ty không bị UBCKNN hoặc Sở GDCK Hà Nội nhắc nhở hay xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định đối với công ty niêm yết.

1.4 Công tác cán bộ: Công ty đang tiếp tục kiện toàn cơ cấu HDQT để đảm bảo đáp ứng yêu cầu mới.

1.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công nhân

viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và yêu cầu giám đốc và BGD phải có biện pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

- HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán nhằm phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGD cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một cách hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.
- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giải quyết.
- Hoàn thiện lại chức năng nhiệm vụ cũng như số lượng thành viên Ban giám đốc trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của BGD và thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHCĐ cũng như HĐQT.
- Hoàn thiện lại quy chế quản lý tài chính của công ty.
- Công tác điều hành và quản lý, công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:*

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng: Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy – Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
 Năm sinh 1973 Trình độ Cử nhân kinh tế
 Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần
- Ông Nguyễn Thanh Quang: Chức vụ UV HĐQT - Quản đốc PX Pin số 2
 Năm sinh 1965 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
 Số cổ phần sở hữu: 11.463 cổ phần
 Thành viên không điều hành
- Bà Quek Guet Nghoh: Chức vụ UV HĐQT
 Năm sinh: 1961 Quốc tịch Singapore
 Thành viên không điều hành
- Ông Tsui Wing Fai: Chức vụ UV HĐQT
 Năm sinh: 1961 Quốc tịch Trung Quốc
 Thành viên độc lập, được bổ nhiệm từ tháng 10 năm 2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã tổ chức 13 phiên họp với những nội dung cơ bản sau:

Nội dung phiên họp lần 1: 21/01/2021

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của giám đốc
- Xem xét thông qua các nội dung theo tờ trình của giám đốc
- Xem xét thông qua Báo cáo quản trị doanh nghiệp năm 2020
- Thảo luận về Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2021

Nội dung phiên họp lần 2: 11/03/2021

- Thảo luận và thông qua ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2021
- Thảo luận và thông qua chương trình đại hội
- Phân công chuẩn bị tài liệu
- Thời gian thông qua các báo cáo
- Thảo luận nội dung sửa đổi Điều lệ

Nội dung phiên họp lần 3: 26/03/2021

- Xem xét phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2021, các tờ trình ĐHCĐ và các văn bản liên quan.
- Bỏ phiếu về cơ cấu thành viên HĐQT
- Công tác chuẩn bị cho ĐHCĐ

Nội dung phiên họp lần 4: 05/04/2021

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
- Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2020 và Quý 4
- Xem xét chương trình và phân công nhiệm vụ ĐHCĐ 2021

Nội dung phiên họp lần 5: 24/04/2021

- Thảo luận về sơ kết kết quả SXKD Quý 1-2021
- Vấn đề tăng giá pin
- Thảo luận về công tác tổ chức ĐHCĐ 2021

Nội dung phiên họp lần 6: 29/04/2021

- Thảo luận và phân công triển khai nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT sau ĐHCĐ năm 2021
- Kế hoạch SXKD năm 2021

Nội dung phiên họp lần 7: 12/06/2021

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 5 tháng.
- Xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD 8 tháng và cả năm 2021
- Xem xét vấn đề bán pin cho Kodak
- Thảo luận vấn đề pin không chì
- Vấn đề tăng giá bán sản phẩm
- Xem xét nội dung cần tổng kết 5 năm HĐQT, mục tiêu 5 năm tới.

Nội dung phiên họp lần 8: 17/07/2021

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm.
- Kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm
- Kế hoạch điều chỉnh năm 2021
- Xem xét vấn đề hạn mức tín dụng tại ngân hàng Agribank và Eximbank.
- Vấn đề chuẩn bị nhân sự cho HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027
- Vấn đề quy hoạch của thành phố Hà Nội

Nội dung phiên họp lần 9: 28/08/2021

- Xem xét tình hình sản lượng sản xuất và tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2021.
- Xem xét kế hoạch SXKD quý 4-2021
- Xem xét cân đối việc làm và thu nhập cho người lao động.

Nội dung phiên họp lần 10: 02/10/2021

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh tháng 9 và 9 tháng đầu năm
- Kế hoạch quý 4 và năm 2021

Nội dung phiên họp lần 11: 29/10/2021

- Báo cáo quý 3/2021
- Kế hoạch quý 4

- Điều chỉnh KHSXKD năm 2021
- Kế hoạch năm 2022
- Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021
- Xem xét vấn đề vốn lưu động
- Vấn đề nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027

Nội dung phiên họp lần 12: 01/11/2021

- Thông qua việc bổ sung hạn mức tín dụng tại ngân hàng Eximbank

Nội dung phiên họp lần 13: 01/12/2021

- Vấn đề về đầu tư vốn của công ty tại VNGP
- Thông qua báo cáo 6 tháng của Ban Kiểm Soát
- Thông qua việc bán máy ép vi tự động cho VNGP
- Kết quả thực hiện tháng 11 và kế hoạch tiêu thụ tháng 12/2021
- Vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất của công ty

Ngoài các nội dung họp nêu trên, HĐQT đã thực hiện những hoạt động khác trong năm như sau:

HĐQT ủy quyền cho Giám đốc tham gia đấu giá kèm thời và ký hợp đồng mua kèm thời 6 tháng cuối năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022.

HĐQT thông qua tờ trình của Chủ tịch HĐQT về việc dự trữ 360 tấn MnO2 cho sản xuất quý 1-2022.

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung sau:

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

- HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): **Không**

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate

1	01/2021/NQ-HĐQT	11/03/2021	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	05/05/2021	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 3 năm 2020 (7%) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (8%).	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	02/08/2021	Thông qua kế hoạch vay vốn tại ngân hàng Agribank – Chi nhánh Thanh Trì	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	02/08/2021	Thông qua kế hoạch vay vốn tại ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Thủ đô	100%
5	05/2021/QĐ-HĐQT	16/09/2021	Thông qua chi phí bán hàng bổ sung hỗ trợ đại lý tháng 7+8	100%
6	06/2021/QĐ-HĐQT	11/10/2021	Thông qua chi phí bán hàng bổ sung hỗ trợ đại lý tháng 9	100%
7	07/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Phê duyệt kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022	100%
8	08/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021	100%
9	09/2021/NQ-HĐQT	02/11/2021	Bổ sung hạn mức tín dụng tại ngân hàng Eximbank – Chi nhánh thủ đô	100%
10	10/2021/QĐ-HĐQT	05/11/2021	Thông qua chi phí bán hàng bổ sung hỗ trợ đại lý tháng 10	100%
11	11/2021/NQ-HĐQT	06/12/2021	Thông qua việc bán tài sản cố định là máy móc thiết bị không còn nhu cầu sử dụng	100%
12	12/2021/QĐ-HĐQT	08/12/2021	Thông qua chi phí bán hàng bổ sung hỗ trợ đại lý tháng 11.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/).

Hoạt động của Ban Kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm kiểm soát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Trong kỳ BKS đã tổ chức họp nhằm kiểm soát, đánh giá tình hình của năm tài chính 2020, 2021 và đánh giá kết quả kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các kiến nghị mà BKS đã gửi biên bản thông báo đến HĐQT, Ban Giám đốc.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến với HĐQT.

Cử thành viên BKS tham gia vào hội đồng mua bán vật tư, hội đồng thanh lý Tài sản ... của Công ty để trực tiếp kiểm soát hoạt động của các Hội đồng này.

Trực tiếp kiểm tra việc thực hiện định mức vật tư, định mức lao động, đơn giá tiền lương, chi phí bán hàng, kiểm soát công nợ khách hàng nhằm yêu cầu khách hàng thực hiện đúng Quy chế bán hàng và thu hồi công nợ của công ty... đối chiếu với phương án được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua qua đó kiểm soát, thẩm định chi phí và hiệu quả của HĐSXKD.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Báo cáo về thu nhập của các UVHĐQT; BKS năm 2021:

- Quy chế tiền lương năm 2021
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017
Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Thưởng</i>	<i>Cơm công nghiệp</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	18.216.786	22.497.731	520.000	41.234.517
Phó giám đốc	14.563.479	17.985.897	520.000	33.069.376
Trưởng phòng – Quản đốc	11.212.656	10.259.580	520.000	21.992.236

Ghi chú: Mức lương trên có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT:	5.000.000/tháng
Ủy viên HĐQT:	3.000.000/tháng
Trưởng ban Kiểm soát:	3.000.000/tháng
Ủy viên Ban Kiểm soát:	2.000.000/tháng
Thư ký Công ty	2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000d/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương + thưởng</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	256.955.549	60.000.000		316.955.549
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – Giám đốc	490.051.180	36.000.000		526.051.180
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	382.167.829	36.000.000		418.167.829
Vô Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	390.193.806	36.000.000		426.193.806
Nguyễn Thanh Quang	UV HĐQT – Quản đốc PX Pin số 2	269.609.930	36.000.000		305.609.930
Quek Guet Nghoh	UV HĐQT		36.000.000		36.000.000
Tsui Wing Fai	UV HĐQT		36.000.000		36.000.000

Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		36.000.000	68.888.889	104.888.889
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát		24.000.000		24.000.000
Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	258.532.393	24.000.000		282.532.393
Nguyễn Huy Vũ	Thư ký HĐQT	187.515.088	24.000.000		211.515.088

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders: Không*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders: Không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Nơi nhận:

- Công bố thông tin
- HĐQT, Ban Kiểm soát
- Lưu HC, Thư ký Công ty

Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc Công ty





Nguyễn Thanh Hùng

